TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 3 - 2023
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phước.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hoàng Giang.

Bà Trần Thị Hoài Yên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 28 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2023/TLST-HNGĐ, ngày 30 tháng 01 năm 2023, về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 21 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1971 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp V, xã P, huyện P, tỉnh C.

- *Bị đơn:* Ông Huỳnh Văn H, sinh năm 1966 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp V, xã P, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 01/02/2023 cùng các văn bản khác kèm theo, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị N trình bày:

Về hôn nhân, vào năm 1988 bà (Nguyễn Thị N) và ông Huỳnh Văn H xác lập quan hệ vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống và thường xuyên tranh cãi. Bà và ông Huỳnh Văn H không còn chung sống với nhau từ năm 2008 cho đến nay. Xét thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt nên bà yêu cầu ly hôn với ông Huỳnh Văn H. Về con chung có 02 người tên là Huỳnh Duy K (giới tính nam) sinh năm 1989 và Huỳnh Quốc B (giới tính nam), sinh ngày 03/10/1997. Hiện cả hai người con chung đều đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu giải

quyết.

Bị đơn là ông Huỳnh Văn H đã được triệp tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, đồng thời không cung cấp lời khai chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị N yêu cầu ly hôn với ông Huỳnh Văn H nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Bà Nguyễn Thị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt. Ông Huỳnh Văn H vắng mặt nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt.

[3]. Xét về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N và ông Huỳnh Văn H chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1988 đến nay không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, cả hai không còn chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2008 cho đến nay mà không thể hàn gắn, không thể tiếp tục chung sống nên bà Nguyễn Thị N yêu cầu được ly hôn ông Huỳnh Văn H. Do hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị N và ông Huỳnh Văn H vi phạm quy định về đăng ký kết hôn. Căn cứ vào các điều 9, 14 và 53 của Luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị N và ông Huỳnh Văn H không được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Bà Nguyễn Thị N và ông Huỳnh Văn H không được công nhận là vợ chồng.

[4]. Về con chung: Bà Nguyễn Thị N xác định, bà và ông Huỳnh Văn H có 02 người con là Huỳnh Duy K (giới tính nam) sinh năm 1989 và Huỳnh Quốc B (giới tính nam), sinh ngày 03/10/1997. Hiện cả hai người con chung đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung bà Nguyễn Thị N xác định không có, đồng thời không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[6]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, bà Nguyễn Thị N phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 9, 14 và 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của

Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị N và ông Huỳnh Văn H là vợ chồng.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Bà Nguyễn Thị N đã nộp xong tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018547 ngày 30 tháng 01 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, nay chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND H.Phú Tân;
- Phòng KT-NV & THA (Tòa án tỉnh);
- Chi cục THADS H.Phú Tân (khi án có hiệu lực);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thành Phước